

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 454/2024/DS-PT

Ngày 09-9-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng góp

hụi”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Mai

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Trần Quốc Vũ;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Châu, *Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 381/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị D, sinh năm 1963; trú tại: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; HKTT: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Bà Hồ Thị D có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị N làm chủ thảo hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1, khai ngày 10/01/2020 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 17 phần, trong đó bà D tham gia 01 phần, bà D đã đóng đến ngày 10/02/2021 (AL) thì bà N ngưng không gom hụi nữa, bà D đã đóng được 15 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà D đóng 01 phần là 1.500.000 đồng x 15 kỳ = 22.500.000 đồng.

Dây hụi thứ 2, khai ngày 04/05/2020 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, trong đó bà D tham gia 01 phần. Bà D đã đóng đến ngày 04/02/2021 (âm lịch) thì bà N ngưng không gom hụi nữa, bà D đã đóng được 10 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà D đóng 01 phần là 1.500.000 đồng x 10 kỳ = 15.000.000 đồng.

Vì bà N là cán bộ Hội phụ nữ xã T nên bà D rất tin tưởng bà N, khi tham gia góp hụi bà N không giao danh sách hụi cho bà D nhưng khi đóng tiền hụi thì bà N có ký tên vào sổ ghi hụi cho bà D.

Tổng số tiền hụi gốc bà D đã đóng cho bà N là 37.140.000 đồng. Tháng 02 năm 2021 (âm lịch) bà N tuyên bố bẻ hụi nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền lại cho bà D. Những lần bà D đóng tiền hụi cho bà N tại nhà bà N thì ông C đều biết.

Nay khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N cùng chồng là ông Lê Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền nợ hụi là 37.140.000 đồng, ngoài ra bà D không yêu cầu gì thêm.

*Tại Bản tự khai ngày 25/5/2024 bà Nguyễn Thị N trình bày như sau:*

Bà N không đồng ý trả lại cho bà D số tiền hụi là 37.140.000 đồng vì việc bà D cung cấp các giấy khai hụi và giấy vay cho Tòa án khi khởi kiện không ghi rõ họ, tên của chủ hụi có phải là bà N hay không và không xác định được bà D có phải là người tham gia góp hụi của bà N và được chủ hụi xác nhận là hụi viên hay không. Do đó, những tài liệu mà bà D cung cấp không được chủ hụi và người tham gia góp hụi ký và ghi rõ họ, tên. Đối với những chứng cứ mà bà D cung cấp cho Tòa án thì bất kỳ ai cũng lập được và chứng cứ này không phải là của bà N chủ hụi, bà N cũng không ký họ, tên trong những chứng cứ mà bà D cung cấp để khởi kiện. Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà D.

*Tại bản tự khai ngày 20/5/2024 và ngày 28/5/2024 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:*

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, theo yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C phải trả lại tiền hụi cho bà D thì ông C không đồng ý vì những lý do như sau: Thứ nhất, việc bà N có chơi hụi với bà D hay không thì ông C không biết. Thứ hai, ông C là người dân không biết chữ, không biết viết, chỉ suốt ngày đi bắt cá dưới sông từ 05 giờ sáng đến trưa về nhà, chiều đến thì chăm sóc cây ăn trái trong vườn

nhà, vợ chồng ông C cũng không có con cái gì hết. Những chi phí sinh hoạt trong gia đình cũng từ việc bán cây trái trong vườn, từ việc bắt cá đem đi bán, rồi tiền trợ cấp thương binh hàng tháng của ông C, gia đình ông C cũng không thiếu thốn, cũng không phải chi phí nhiều nên việc bà N có chơi hụi của bà D hay không ông C không biết và không liên quan đến ông C. Trong quá trình chung sống ông C cũng không nghe bà N nói gì về việc chơi hụi của ai. Vì vậy, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì ông C không liên quan đến số tiền mà bà D kiện bà N. Ông C đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông C phải trả tiền cho bà D. Do tuổi già, sức khỏe yếu nên ông C xin được Tòa án xét xử vắng mặt.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D đối với bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị D số tiền hụi là 37.140.000 (ba mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ghi nhận, bà Hồ Thị D không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Hồ Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C còn phải trả cho người được thi hành án bà Hồ Thị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 28-6-2024, ông Lê Văn C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông liên đới trả tiền hụi cùng với bà N vì ông không biết việc chơi hụi của bà N, không sử dụng tiền hụi chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Cùng ngày, bà Nguyễn Thị N cũng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà

N; căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn, bà Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do bị coi là từ bỏ kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N và ông C là vợ chồng, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông bà chưa ly hôn nên căn cứ Điều 15 Luật cư trú thì địa chỉ này là nơi cư trú của vợ chồng bà N, ông C. Bà N tổ chức hội năm 2019, tháng tháng 4/2021 bà N bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho người khởi kiện biết địa chỉ mới. Sau khi biết bị khởi kiện, bà Ngũ cung c cho toà án thông tin đang tạm trú tại tỉnh Đồng Nai và yêu cầu chuyển thẩm quyền. Bà N thừa nhận đi sang tỉnh Đồng Nai để bán vé số, còn ông C cho rằng không biết bà N đi đâu nhưng cũng không thông báo với cơ quan chức năng để tìm kiếm, cho thấy mục đích thay đổi nơi cư trú của bà N chỉ nhằm giấu địa chỉ, gây khó khăn cho nguyên đơn và cơ quan tiến hành tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 tiếp tục giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặt khác, căn cứ điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn cũng có quyền lựa chọn toà án nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, nơi bị đơn có tài sản hoặc nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn C thấy rằng:

Trong vụ án này, ông C không thừa nhận biết việc bà N làm chủ thảo hội nhưng lời khai của ông C tại Biên bản lấy lời khai ngày 26-4-2024 (bút lục 26) trong vụ án thụ lý số 32/2024/DS-ST ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B thì ông C thừa nhận biết việc bà N làm chủ thảo hội nhưng cho rằng tiền hội do bà N quản lý, không mua sắm gì trong gia đình; sau khi nợ người khác thì bà N bỏ đi đâu ông không rõ; trong đơn kháng cáo, ông C lại trình bày không biết việc bà N làm chủ thảo hội. Còn bà N thì trình bày tại cấp sơ thẩm rằng không nhớ bà B có tham gia hội do bà làm chủ hay không, không nhớ có giao danh sách hội, ghi sổ hội cho hội viên hay không, không biết mục đích mở hội để làm gì, lí do bà bỏ đi khỏi địa phương là vì sử dụng tiền của ông C nhiều; bà N cũng không phản đối các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tại đơn kháng cáo, bà N lại cho rằng các

hội viên tham gia hội nhưng không cung cấp được danh sách hội viên, không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc giao nhận tiền hội, không thừa nhận là chủ hội, không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong sổ hội và yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Xét thấy, lời trình bày của bà N và ông C có mâu thuẫn với nhau và không phù hợp với thực tế, nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ và trốn tránh trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng. Cấp sơ thẩm xét xử buộc ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền hội cho bà D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà N, ông C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D đối với bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị D số tiền hội là 37.140.000 (ba mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ghi nhận, bà Hồ Thị D không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Hồ Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C còn phải trả cho người được thi hành án bà Hồ Thị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Hồ Thị D không phải chịu.
- Bà Nguyễn Thị N phải chịu nhưng được miễn nộp.
- Ông Lê Văn C phải chịu 929.000 (chín trăm hai mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Án phí phúc thẩm dân sự: bà N, ông C được miễn nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Mai**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đặng Thị Đồng**